

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I LỚP 10 – NĂM HỌC 2023 -2024**  
**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**  
**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

TT	Nội dung	Chủ đề	Mức độ nhận thức								Tổng			
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu		Tổng điểm	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1	Hoạt động của nền kinh tế	1. Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế 2. Thị trường và cơ chế thị trường	3		3						6		**	
2	Hoạt động kinh tế của Nhà nước	3. Ngân sách nhà nước và thuế	2		2						4	2	**	
3	Hoạt động sản xuất kinh doanh	4. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh 5. Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	11		7				1,5*		0,5*	18		**
<b>Tổng câu</b>			<b>16</b>		<b>12</b>				<b>1,5</b>		<b>0,5</b>	<b>28</b>	<b>2</b>	<b>10</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40</b>		<b>30</b>		<b>20</b>		<b>10</b>		<b>100</b>			
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70</b>				<b>30</b>				<b>100</b>			

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết, thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.  
Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận. Cụ thể:

+ 1,5\* Giáo viên có thể ra 1,5 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng ở các chủ đề 1 hoặc 2 hoặc 3 hoặc 4 hoặc 5 hoặc 6.

+ 0,5\* Giáo viên có thể ra 0,5 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng cao ở các chủ đề 1 hoặc 2 hoặc 3 hoặc 4 hoặc 5 hoặc 6.

+ \*\* Sau khi chọn 1,5 câu hỏi vận dụng và 0,5 câu hỏi vận dụng cao ở chủ đề 1 hoặc 2 hoặc 3 hoặc 4 hoặc 5 hoặc 6, giáo viên tính tổng điểm của mỗi chủ đề.

+ Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

- Những nội dung (yêu cầu cần đạt) đã ra đề ở giữa kì I thì không ra đề ở cuối kì I.

**ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I LỚP 10**  
**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT**  
**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

TT	Nội dung	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ đánh giá			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Hoạt động của nền kinh tế	1. Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.</li> <li>- Nhận biết được vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b> Giải thích được vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.</p> <p><b>Vận dụng:</b> Thể hiện được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế bằng những hành vi cụ thể.</p> <p><b>Vận dụng cao:</b> Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.</p>	3TN	3TN	1,5 TL	0,5TL
		2. Thị trường và cơ chế thị trường	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm thị trường, cơ chế thị trường.</li> <li>- Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường.</li> <li>- Nêu được ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.</li> </ul>				

			<p><b>Thông hiểu:</b> Giải thích được giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường.</p> <p><b>Vận dụng:</b> Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.</p> <p><b>Vận dụng cao:</b> Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.</p>				
2	Hoạt động kinh tế của Nhà nước	3. Ngân sách nhà nước và thuế	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước.</li> <li>- Liệt kê được đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.</li> <li>- Gọi tên được một số loại thuế phổ biến.</li> <li>- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách và thuế.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b> Giải thích được vì sao Nhà nước phải thu thuế.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủng hộ những hành vi chấp hành pháp luật về thu, chi ngân sách và thuế.</li> <li>- Phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách và thuế.</li> </ul>	2TN	2TN		
3	Hoạt động sản xuất kinh doanh	4. Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	<p><b>Nhận biết:</b> Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.</p> <p><b>Thông hiểu:</b> Phân biệt được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó.</p> <p><b>Vận dụng cao:</b> Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.</p>	11TN	7TN		

	5. Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng.</li> <li>- Kể tên được một số dịch vụ tín dụng và mô tả đặc điểm của chúng.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b> Lý giải được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.</p> <p><b>Vận dụng cao:</b> Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm.</p>				
	<b>Tổng</b>		<b>16TN</b>	<b>12TN</b>	<b>1,5TL</b>	<b>0,5TL</b>
	<b>Tỉ lệ %</b>		<b>40</b>	<b>30</b>	<b>20</b>	<b>10</b>
	<b>Tỉ lệ chung</b>		<b>70</b>		<b>30</b>	

## HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2023 - 2024

Môn: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT - Khối:10

Câu hỏi tự luận yêu cầu HS làm phần luyện tập trong SGK)

### A. HỆ THỐNG LÝ THUYẾT

#### BÀI 1: CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CƠ BẢN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

##### . Tìm hiểu về vai trò của hoạt động sản xuất trong đời sống xã hội

- Hoạt động sản xuất là hoạt động con người sử dụng các yếu tố sản xuất để tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.
- Hoạt động sản xuất có vai trò là hoạt động cơ bản nhất trong các hoạt động của con người, quyết định đến các hoạt động phân phối, trao đổi, tiêu dùng.

##### 2. Tìm hiểu về vai trò của hoạt động phân phối – trao đổi trong đời sống xã hội

###### \* Hoạt động phân phối

- Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm (phân phối cho sản xuất) và phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng (phân phối cho tiêu dùng).
- Phân phối có vai trò thúc đẩy sản xuất phát triển nếu quan hệ phân phối phù hợp đồng thời có thể kìm hãm sản xuất và tiêu dùng khi nó không phù hợp.

### \* **Hoạt động trao đổi**

- Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng (bao gồm cả tiêu dùng cho sản xuất và tiêu dùng cho sinh hoạt).
- Trao đổi đóng vai trò là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, giúp người sản xuất bán được hàng, duy trì và phát triển được hoạt động sản xuất và người tiêu dùng mua được thứ mình cần, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

### **3. Tìm hiểu về vai trò của hoạt động tiêu dùng trong đời sống xã hội**

- Tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.
- Tiêu dùng được coi là mục đích của sản xuất, giữ vai trò là căn cứ quan trọng để xác định số lượng, cơ cấu, chất lượng, hình thức sản phẩm.
- Tiêu dùng tác động mạnh mẽ đối với sản xuất theo hai hướng: thúc đẩy mở rộng sản xuất nếu sản phẩm tiêu thụ được và ngược lại, sản xuất sẽ suy giảm khi sản phẩm không tiêu thụ được.

## **BÀI 2: CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ**

### **1. Tìm hiểu về chủ thể sản xuất**

- Chủ thể sản xuất là những người sản xuất, cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Chủ thể sản xuất gồm các nhà đầu tư, sản xuất, kinh doanh.
- Chủ thể sản xuất có vai trò:
  - + Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận, thoả mãn nhu cầu hiện tại của xã hội hiện tại, tương lai trong điều kiện nguồn lực có hạn.
  - Chủ thể sản xuất luôn phải quan tâm đến việc lựa chọn sản xuất hàng hoá nào, số lượng bao nhiêu, sản xuất bằng cách nào để đạt hiệu quả.
- + Có trách nhiệm cung cấp những hàng hoá, dịch vụ không làm tổn hại tới sức khoẻ và lợi ích của con người trong xã hội.

### **2. Tìm hiểu về chủ thể tiêu dùng**

- Chủ thể tiêu dùng là người mua hàng hoá, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu tiêu dùng cho sinh hoạt, sản xuất,...
- Chủ thể tiêu dùng có vai trò định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển, có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội.

### **3. Tìm hiểu về chủ thể trung gian**

- Chủ thể trung gian là các cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ trên thị trường:
  - + Các thương nhân chuyên phân phối hàng hoá.
  - + Nhà môi giới chứng khoán, môi giới bất động sản, giới thiệu việc làm,....
- Vai trò của chủ thể trung gian:
  - + Là cầu nối, cung cấp thông tin trong các quan hệ mua – bán.
- + Giúp nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả hơn.

### **4. Tìm hiểu về chủ thể nhà nước**

- + Ban hành luật, tạo ra khung pháp lý để các chủ thể kinh tế tự do sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật.
- + Thường xuyên tổ chức các hội nghị để giải quyết những khó khăn, vướng mắc, giúp các chủ thể kinh tế phát triển thuận lợi.

Nhà nước đã nhanh chóng ban hành những cơ chế, chính sách như giãn nợ, miễn giảm thuế; giảm thiểu tối đa số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản.

- Nhà nước đã triển khai các chương trình xoá đói giảm nghèo đến các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo, tạo chuyển biến tích cực về sản xuất, cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở những nơi khó khăn.

### **BÀI 3: THỊ TRƯỜNG**

#### **1. Tìm hiểu khái niệm thị trường**

- Thị trường là tổng hòa những quan hệ kinh tế trong đó nhu cầu của các chủ thể được đáp ứng thông qua việc trao đổi, mua bán với sự xác định giá cả, số lượng hàng hóa, dịch vụ tương ứng với trình độ phát triển của nền sản xuất.

+ Ở cấp độ cụ thể: thị trường là chợ, cửa hàng, phòng giao dịch,...

+ Ở cấp độ trừu tượng: thị trường là các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán (cung- cầu, quan hệ hàng – tiền, quan hệ trong – ngoài nước,....).

#### **2. Tìm hiểu các loại thị trường**

thị trường tư liệu sản xuất và thị trường chứng khoán.

- Các loại thị trường khác:

+ Theo đối tượng giao dịch, mua bán: thị trường lúa gạo, thị trường dầu mỏ, thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản....

+ Theo vai trò của các đối tượng mua bán, giao dịch: thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng, thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ....

+ Theo phạm vi của quan hệ mua bán: giao dịch, có thị trường trong nước và thị trường quốc tế,...

#### **3. Tìm hiểu các chức năng cơ bản của thị trường**

- Các chức năng của thị trường và ví dụ chứng minh cho các chức năng của thị trường:

+ Chức năng thừa nhận: thừa nhận công dụng xã hội của hàng hóa và lao động đã hao phí để sản xuất ra nó, thông qua việc hàng hóa có bán được hay không và bán với giá như thế nào.

□ Ví dụ: Khi người sản xuất làm ra mặt hàng quần áo có mẫu mã đẹp, vải tốt, giá cả phải chăng, phù hợp với nhu cầu người mua, người mua mua nhiều. Như vậy, chi phí làm ra mặt hàng quần áo được xã hội chấp nhận, giá trị của mặt hàng đó được thực hiện.

+ Chức năng thông tin: cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng thông qua những biến động của nhu cầu xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại, cơ cấu các loại hàng hóa, giá cả, tình hình cung cầu về các loại hàng hóa.

□ Ví dụ: Ở những siêu thị lớn sẽ có bảng quảng cáo các mặt hàng với đầy đủ các thông tin như: giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại, điều kiện mua bán của các mặt hàng, đặc biệt là thông tin về khuyến mại sản phẩm, giúp người mua nhanh chóng mua được những sản phẩm phù hợp.

+ Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế: trên cơ sở những thông tin thu được từ thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường, nhờ đó sản xuất tiêu dùng được kích thích hoặc hạn chế.

□ Ví dụ: Để kích thích nhu cầu mua sắm bánh kẹo Tết của khách hàng, hãng sản xuất bánh kẹo X đã thiết lập chiến lược giảm giá bán để thu hút khách hàng mới và kiếm được những khách hàng thường xuyên, thoát khỏi việc tồn hàng.

### **Bài 4: CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG**

## **1, Cơ chế thị trường**

### **a, Khái niệm cơ chế thị trường**

- Cơ chế thị trường là hệ thống các quan hệ mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, cung - cầu, giá cả,... chi phối hoạt động của các chủ thể kinh tế.

### **b, Ưu điểm của cơ chế thị trường**

- Cơ chế thị trường có một số ưu điểm cơ bản:

+ Kích thích tính năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế, thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất và tăng trưởng kinh tế.

+ Phân bổ lại nguồn lực kinh tế, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu, lợi ích của các chủ thể kinh tế.

+ Thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của con người, thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội.

### **c, Nhược điểm của cơ chế thị trường**

+ Mất cân đối cung - cầu, khủng hoảng, suy thoái.

+ Phát sinh những thủ đoạn cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho người sản xuất và tiêu dùng.

+ Không tự khắc phục được hiện tượng phân hóa sâu sắc trong xã hội.

## **2, Giá cả thị trường**

### **a, Khái niệm giá cả thị trường**

- Giá cả hàng hóa là số tiền phải trả để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hóa đó.

- Giá cả thị trường là giá bán thực tế của hàng hóa trên thị trường hay giá cả hàng hóa được thỏa thuận giữa người mua và người bán.

### **b, Chức năng của giá cả thị trường**

- Chức năng của giá cả thị trường:

+ Cung cấp thông tin: để các chủ thể kinh tế đưa ra những quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất, tăng hay giảm tiêu dùng.

+ Phân bổ nguồn lực: góp phần điều tiết quy mô sản xuất, cân đối cung - cầu.

+ Là công cụ để Nhà nước thực hiện quản lí, kích thích, điều tiết nền kinh tế.

## **Bài 5: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

### **1, Khái niệm, đặc điểm của ngân sách nhà nước**

#### **a, Khái niệm ngân sách nhà nước**

Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước (khoản 14 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015).

#### **b, Đặc điểm của ngân sách nhà nước**

- Đặc điểm của ngân sách nhà nước:

+ Mang tính pháp lí cao. Việc tạo lập và sử dụng ngân sách nhà nước được tiến hành trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước.

+ Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền sở hữu và quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước.

- + Hướng tới mục tiêu giải quyết các quan hệ lợi ích chung trong xã hội.
- + Được chia thành nhiều quỹ nhỏ có tác dụng riêng để chỉ dùng cho những mục đích đã có trong kế hoạch.
- + Hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp.

## **2, Vai trò của ngân sách nhà nước**

- Ngân sách nhà nước có vai trò:
  - + Cung cấp nguồn tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy nhà nước.
  - + Định hướng phát triển sản xuất vào những vùng lĩnh vực cần thiết để hình thành cơ cấu kinh tế hợp lí.
  - + Là công cụ điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, kiềm chế lạm phát.
  - + Là công cụ điều tiết thu nhập qua thuế và quỹ phúc lợi xã hội.
  - + Tạo lập quỹ dự trữ quốc gia để phòng chống thiên tai, dịch bệnh.... và một số nhiệm vụ đột xuất, cấp thiết.
  - + Là công cụ mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy nhanh quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế.

## **3, Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách nhà nước**

- Công dân có quyền:
  - + Được sử dụng hàng hoá, dịch vụ công cộng và hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.
  - + Được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính - ngân sách theo quy định của pháp luật.
- Công dân có nghĩa vụ:
  - + Sử dụng các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả.
  - + Nộp các khoản vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

## **BÀI 6: THUẾ**

### **1. Thuế và vai trò của thuế**

#### *a. Thuế là gì*

Thuế là một khoản ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế

#### **b. Vai trò của thuế**

Thuế là nguồn thu chính của ngân sách nhà nước.

Thuế là công cụ quan trọng để nhà nước điều tiết thị trường. Qua thuế, nhà nước hướng dẫn tiêu dùng theo hướng tích cực, bảo vệ thị trường trong nước.

Thuế góp phần điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo cân bằng lợi ích trong xã hội.

### **3. Một số loại thuế phổ biến**

Thuế trực thu là loại thuế điều tiết trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế. Thuế trực thu có:



+ Thuế thu nhập doanh nghiệp

+ Thuế thu nhập cá nhân.

Thuế gián thu là thuế điều tiết gián tiếp thông qua giá cả hàng hoá, dịch vụ. Thuế gián thu có:

+ Thuế giá trị gia tăng

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt

+ Thuế xuất khẩu, nhập khẩu

+ Thuế bảo vệ môi trường.

### **3. Quy định cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế.**

Công dân có nghĩa vụ khai và nộp thuế đầy đủ, trung thực, đúng thời hạn.

Công dân được hưởng lợi ích từ thuế qua các hàng hoá, dịch vụ công cộng do nhà nước cung cấp.

## **BÀI 7: SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH**

### **1, Vai trò của sản xuất kinh doanh**

- Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích thu được lợi nhuận.

- Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhằm mục đích thu được lợi nhuận.

- Sản xuất kinh doanh có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội: là hoạt động kinh tế cơ bản của con người, làm ra sản phẩm hàng hoá/dịch vụ, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của xã hội; tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, gia đình, xã hội và chủ thể kinh doanh, đem lại cuộc sống ấm no cho mọi người trong xã hội, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

### **2. Một số mô hình sản xuất kinh doanh**

#### **a. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh**

Hộ sản xuất kinh doanh là do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, hoặc một hộ gia đình làm chủ, tự tổ chức sản xuất kinh doanh theo định hướng phát triển kinh tế của Nhà nước, địa phương và quy định của pháp luật, tự chủ trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm.

- Hộ kinh doanh chỉ được đăng kí kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng dưới 10 lao động và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

- Có quy mô nhỏ lẻ, bộ máy quản lí gọn nhẹ, dễ tạo việc làm nhưng khó huy động vốn nên khó tăng quy mô và đầu tư trang thiết bị, khó đáp ứng yêu cầu của khách hàng lớn

### **b, Mô hình hợp tác xã, liên hợp tác xã sản xuất kinh doanh**

\* Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác

Đặc điểm của hợp tác xã: có hình thức sở hữu tập thể; các thành viên có những nhu cầu chung trong sản xuất, kinh doanh; có vị trí, vai trò bình đẳng, có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm như nhau trong quản lí hợp tác xã.

\* Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 4 hợp tác xã tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau

Đặc điểm của liên hiệp hợp tác xã: có hình thức sở hữu tập thể, đồng sở hữu; có tư cách pháp nhân; các hợp tác xã thành viên tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

### **c, Mô hình doanh nghiệp**

Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh

Doanh nghiệp có đặc điểm;

+ Có tính kinh doanh: mục đích hoạt động là tạo ra lợi nhuận thông qua mua bán, sản xuất, kinh doanh hàng hoá/dịch vụ,...

+ Có tính hợp pháp; đã đăng kí và được cấp phép kinh doanh.

+ Có tính tổ chức: có tổ chức điều hành, cơ cấu nhân sự, trụ sở giao dịch, tài sản riêng và tư cách pháp nhân (trừ loại hình doanh nghiệp tư nhân).

### **MỘT SỐ MÔ HÌNH DOANH NGHIỆP**

#### **\* Doanh nghiệp tư nhân**

- Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.

- Đặc điểm:

+ Chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp là cá nhân chủ doanh nghiệp, có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư, không tách bạch tài sản của chủ doanh nghiệp và tài sản của doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân.

+ Chủ doanh nghiệp là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, toàn quyền quyết định hoạt động kinh doanh, sử dụng lợi nhuận và chịu trách nhiệm vô hạn toàn bộ tài sản của doanh nghiệp và của chủ doanh nghiệp.

#### **Công ty hợp danh**

Công ty hợp danh là doanh nghiệp có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung, cùng nhau kinh doanh dưới một tên, chung

- Đặc điểm:

+ Thành viên hợp danh là người có trình độ chuyên môn và uy tín nghề nghiệp, có quyền ngang nhau trong quản lí công ty, tiến hành các hoạt động kinh doanh nhân danh công ty, cùng liên đới chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty.

+ Thành viên góp vốn có quyền được chia lợi nhuận theo tỉ lệ được quy định tại Điều lệ công ty; không được tham gia quản lí công ty và hoạt động kinh doanh nhân danh công ty.

+ Do kết hợp được uy tín cá nhân của thành viên hợp danh nên tạo được sự tin cậy của các bạn hàng, đối tác kinh doanh. Việc điều hành quản lí công ty không quá phức tạp do số lượng các thành viên ít và tin tưởng nhau.

### **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên**

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu; -

Đặc điểm:

+ Vốn điều lệ tại thời điểm đăng kí doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty.

+ ít rủi ro hơn công ty tư nhân, cơ cấu tổ chức đơn giản, chủ sở hữu toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

### **Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**

- Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp trong đó thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá 50.

+ Công ty có tư cách pháp nhân, không được quyền phát hành cổ phần để huy động vốn.

+ Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, vốn điều lệ của công ty khi đăng kí doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty.

+ ít gây rủi ro cho người góp vốn, việc quản lí, điều hành công ty không quá phức tạp.

### **Công ty cổ phần**

- Công ty cổ phần là doanh nghiệp được hình thành bằng vốn đóng góp của nhiều người, vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

- Đặc điểm:

+ Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh, có quyền phát hành chứng khoán, phải có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

+ Mức độ rủi ro của các cổ đông không cao, cơ cấu vốn của công ty cổ phần linh hoạt, khả năng huy động vốn cao thông qua phát hành cổ phần chào bán hoặc cổ phiếu ra công chúng.

### **Doanh nghiệp nhà nước**

Doanh nghiệp nhà nước: là tổ chức kinh doanh do Nhà nước thành lập hoặc tham gia thành lập đầu tư trên 50% vốn điều lệ và quản lí hoặc tham gia quản lí với tư cách chủ sở hữu, là một pháp nhân kinh tế, hoạt động theo pháp luật và bình đẳng trước pháp luật.

- Doanh nghiệp nhà nước gồm có hai loại:

+ Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

+ Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần cổ quyền biểu quyết: công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần.

## **BÀI 8: TÍN DỤNG VÀ VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG**

### **1. Khái niệm và đặc điểm của tín dụng**

- Tín dụng là khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu (người cho vay) và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay) theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc lẫn lãi.

- Tín dụng có đặc điểm cơ bản là:
  - + Dựa trên sự tin tưởng: người cho vay chỉ cấp tín dụng khi có lòng tin vào việc người vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả và có khả năng hoàn trả nợ đúng hạn;
  - + Có tính tạm thời: việc cho vay chỉ là nhường quyền sử dụng tạm thời một lượng vốn trong một thời hạn nhất định;
  - + Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi: đến thời hạn, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện.

## 2. Vai trò của tín dụng

- Góp phần tăng lượng vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư thông qua việc luân chuyển nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp và chính phủ đến những người đang cần vốn, đồng thời đòi hỏi người đi vay phải nỗ lực sử dụng vốn hiệu quả.
- Là công cụ điều tiết kinh tế - xã hội của nhà nước.
- Thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế và việc làm, nâng cao đời sống **nhân** dân.

## BÀI 9: DỊCH VỤ TÍN DỤNG

### 1. Tín dụng ngân hàng

#### a. Đặc điểm của tín dụng ngân hàng

Theo nghĩa thông thường, tín dụng ngân hàng là việc ngân hàng chấp nhận để khách hàng sử dụng một lượng tiền vốn trong một thời gian nhất định trên cơ sở lòng tin khách hàng có khả năng hoàn trả gốc và lãi khi đến hạn.

Tín dụng ngân hàng có đặc điểm: dựa trên cơ sở lòng tin, có tính thời hạn, phải hoàn trả cả gốc lẫn lãi vô điều kiện và tiềm ẩn rủi ro.

#### b) Một số hình thức tín dụng ngân hàng

##### \* Cho vay tín chấp

- Cho vay tín chấp là hình thức cho vay dựa vào uy tín của người vay, không cần tài sản bảo đảm.
- Đặc điểm của cho vay tín chấp là: Dựa hoàn toàn vào uy tín của người vay, thủ tục vay đơn giản, số tiền vay ít, thời hạn cho vay ngắn, mức lãi khá cao.

##### \* Cho vay thế chấp

Cho vay thế chấp là hình thức cho vay đòi hỏi người vay phải có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với lượng vốn cho vay.

- Đặc điểm của vay thế chấp là: Người vay phải có tài sản đảm bảo. Thủ tục vay phức tạp. Số tiền cho vay tương đối lớn, lãi suất phù hợp, thời gian cho vay dài.

##### \* Cho vay trả góp

Cho vay trả góp của ngân hàng là hoạt động ngân hàng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay.

- Đặc điểm của cho vay trả góp là: hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; hạn mức cho vay cao, lãi suất thấp, thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt.

## **2. Tín dụng thương mại**

Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp, được thực hiện dưới hình thức mua bán chịu, mua bán trả chậm hay trả góp hàng hoá. Đến thời hạn đã thoả thuận, doanh nghiệp mua phải hoàn trả cả vốn gốc và lãi cho doanh nghiệp bán dưới hình thức tiền tệ.

### **Tín dụng tiêu dùng**

#### *a. Đặc điểm của tín dụng tiêu dùng*

Tín dụng tiêu dùng là khái niệm chỉ quan hệ kinh tế giữa người cho vay là các tổ chức tín dụng và người vay là người tiêu dùng nhằm tạo điều kiện thoả mãn nhu cầu tiêu dùng (mua sắm hàng hoá).

Đặc điểm: mục đích vay để tiêu dùng; nguồn trả nợ là thu nhập của người vay; người vay là cá nhân, hộ gia đình; người cho vay là ngân hàng, công ty tài chính,...; lượng tiền cho vay thường nhỏ, lãi suất thường cao.

#### **b) Một số dịch vụ tín dụng tiêu dùng**

##### *\* Dịch vụ cho vay trả góp của công ty tài chính.*

Cho vay trả góp là: tổ chức tín dụng cùng người vay xác định và thoả thuận số lãi vốn vay phải trả cộng với số nợ gốc được chia ra để trả nợ theo nhiều kì hạn trong thời hạn cho vay.

Đặc điểm của cho vay trả góp là: hằng tháng người vay phải trả lãi và một phần số nợ gốc; hạn mức cho vay cao, lãi suất thấp, thủ tục vay đơn giản, nhanh gọn, thời hạn thanh toán linh hoạt.

##### *\* Cho vay tiêu dùng qua việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.*

Thẻ tín dụng ngân hàng là thẻ chi tiêu trước, trả tiền sau do ngân hàng phát hành.

Khi sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng, chủ thẻ có trách nhiệm cung cấp thông tin chính xác khi đề nghị cấp hạn mức vay tín dụng, thực hiện thanh toán khoản tiền đã chi qua thẻ đúng kì hạn. Không nên đề nợ quá hạn vì sẽ bị tích điểm tín dụng xấu và phải chịu mức lãi cao.

### **Tín dụng nhà nước**

#### *a. Đặc điểm của tín dụng nhà nước*

+ Tín dụng nhà nước là các hoạt động vay trả giữa Nhà nước với các tác nhân khác trong nền kinh tế, thông qua các hoạt động Nhà nước đi vay để phục vụ cho mục đích huy động vốn bù đắp thiếu hụt ngân sách nhà nước hoặc mở rộng quy mô đầu tư của Nhà nước để xây dựng Tổ quốc và Nhà nước cho vay thực hiện những mục tiêu kinh tế quan trọng, hỗ trợ những đối tượng khó khăn trong xã hội để xây dựng và phát triển xã hội bền vững.

+ Đặc điểm: cho vay với lãi suất ưu đãi, theo kế hoạch, chủ trương của Nhà nước để thực hiện mục tiêu, định hướng của Nhà nước; lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.

#### **b) Một số hình thức tín dụng nhà nước**

##### *\* Phát hành trái phiếu chính phủ*

+ Trong hoạt động bán trái phiếu chính phủ: Nhà nước là người vay tiền có nghĩa vụ trả nợ.

+ Thời hạn của trái phiếu thường từ 1 năm trở nên, công trái xây dựng Tổ quốc còn có thời hạn dài hơn thường là 5 năm.

+ Trái phiếu chính phủ có thể mua bán, cầm cố tại ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác để vay vốn hoặc có thể bán lại trên thị trường chứng khoán.

+ Người mua trái phiếu chính phủ được hưởng lãi suất vay hấp dẫn và ổn định hơn so với ngân hàng thương mại.

\* *Tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội*

Ngân hàng chính sách xã hội là tổ chức tín dụng nhà nước được thành lập để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Khác với ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được Chính phủ bảo đảm khả năng thanh toán.

## **MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO**

### **BÀI 1: CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CƠ BẢN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

**Câu hỏi trắc nghiệm tham khảo**

**Câu 1:** Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm xã hội của hoạt động sản xuất?

- A. Công ti H sản xuất hàng hóa gắn với bảo vệ môi trường.
- B. Cửa hàng xăng dầu A gia lận trong việc bán hàng.
- C. Công ti E làm giả hoá đơn để được miễn giảm thuế.
- D. Ông K xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường

**Câu 2:** Khi tiến hành phân bổ nguyên vật liệu của công ty tới các bộ phận khác nhau trong dây chuyền sản xuất, quá trình này gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế xã hội ?

- A. sản xuất.    B. tiêu dùng.    C. phân phối.    D. trao đổi.

**Câu 3:** Trong các hoạt động của con người, hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động

- A. ít quan trọng.    B. bình thường nhất.    C. thiết yếu nhất.    D. cơ bản nhất.

**Câu 4:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động đóng vai trò cơ bản nhất, quyết định các hoạt động khác của đời sống xã hội là hoạt động

- A. sản xuất    B. phân phối.    C. tiêu dùng    D. trao đổi.

**Câu 5:** Trong các hoạt động kinh tế, hoạt động nào đóng vai trò trung gian, kết nối người sản xuất với người tiêu dùng?

- A. Hoạt động vận chuyển - tiêu dùng    B. Hoạt động phân phối - trao đổi
- C. Hoạt động sản xuất - vận chuyển    D. Hoạt động sản xuất - tiêu thụ

**Câu 6:** Một nền kinh tế bao gồm các hoạt động cơ bản nào?

- A. Sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng
- B. Sản xuất, kinh doanh, trao đổi, thu nhập
- C. Sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, thu nhập
- D. Sản xuất, kinh doanh, trao đổi, cạnh tranh.

**Câu 7:** Quá trình phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất để tạo ra sản phẩm là nội dung của khái niệm

- A. sản xuất    B. phân phối.    C. tiêu dùng    D. trao đổi.

**Câu 8:** Trao đổi là hoạt động đưa sản phẩm đến tay người

- A. lao động.    B. tiêu dùng.    C. phân phối.    D. sản xuất.

**Câu 9:** Trong mối quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng, thì phân phối và trao đổi đóng vai trò là

A. trung gian.                      B. nâng đỡ.                      C. quyết định                      D. triệt tiêu.

**Câu 10:** Trong nền kinh tế, việc tiến hành phân chia các yếu tố sản xuất cho các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm được gọi là

- A. trao đổi trong sản xuất.                      B. tiêu dùng cho sản xuất.  
C. sản xuất của cải vật chất.                      D. phân phối cho sản xuất

**Câu 11:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động sản xuất gắn liền với việc làm nào dưới đây ?

- A. Người nông dân phun thuốc trừ sâu.                      B. Bán hàng online trên mạng.  
C. Hỗ trợ lao động khó khăn.                      D. Đầu tư vốn mở rộng sản xuất

**Câu 12:** Hoạt động nào dưới đây được coi như là đơn hàng của xã hội đối với sản xuất ?

- A. sản xuất.                      B. lao động.                      C. phân phối.                      D. tiêu dùng.

**Câu 13:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động trao đổi gắn liền với việc làm nào dưới đây?

- A. Sử dụng gạo để nấu ăn.                      B. Chế biến gạo thành phẩm  
C. Phân bổ gạo để cứu đói.                      D. Bán gạo lấy tiền mua vở

**Câu 14:** Phân phối cho sản xuất gắn liền với việc phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất khác nhau để

- A. tao ra sản phẩm.                      B. tiêu dùng sản phẩm.  
C. trao đổi sản phẩm.                      D. triệt tiêu sản phẩm.

**Câu 15:** Giám đốc công ty M tiến hành phân bổ vốn cho các hoạt động sản xuất của công ty là hoạt động

- A. sản xuất.                      B. tiêu dùng.                      C. trao đổi.                      D. phân phối.

**Câu 16:** Hành vi nào dưới đây **không** đúng khi tham gia vào các hoạt động kinh tế?

- A. Bạn A giải thích cho người thân của mình về trách nhiệm của công dân khi tham gia các hoạt động kinh tế.  
B. Trước tình hình dịch bệnh, nhu cầu mua thuốc của người dân tăng mạnh, nhà thuốc P cam kết không tăng giá sản phẩm.  
C. Xí nghiệp Y trong quá trình sản xuất đã để khói bụi gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và sức khỏe người dân.  
D. Doanh nghiệp bán lẻ H luôn sản xuất hàng hoá đảm bảo chất lượng, đóng thuế đầy đủ theo quy định của pháp luật.

**Câu 17:** Hãy chỉ ra hoạt động sản xuất trong các hoạt động dưới đây ?

- A. Trồng lúa chất lượng cao.                      B. Vận chuyển vật liệu vào kho.  
C. Mang rau ra chợ bán.                      D. Nấu cháo cho mẹ.

**Câu 18:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là vai trò của hoạt động tiêu dùng?

- A. Động lực cho sản xuất phát triển.                      B. “Đơn đặt hàng” cho sản xuất.  
C. Điều tiết hoạt động trao đổi.                      D. Quyết định phân phối thu nhập.

**Câu 19:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động nào dưới đây gắn liền với hoạt động trao đổi ?

- A. Hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu.                      B. Đẩy mạnh việc bán hàng trực tuyến.  
C. Xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài.                      D. Đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

**Câu 20:** Gia đình bạn H đang là học sinh lớp 11 có nghề mây tre đan thủ công mỹ nghệ nổi tiếng trong vùng. Sau giờ học H rủ các bạn cùng lớp đến để làm kiếm thêm thu nhập mua sách vở, tài liệu phục vụ cho việc học tập. Xét về mặt bản chất của nền kinh tế, công việc của gia đình bạn H gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế

- A. phân phối.                      B. sản xuất.                      C. tiêu dùng.                      D. lao động.

**Câu 21:** Công ti A trong quá trình sản xuất, kinh doanh cà phê luôn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, từ việc chọn giống cây tốt cho đến thu hoạch hạt cà phê đảm bảo chất lượng, không ngâm trộn hoá chất, tạp chất,... đảm bảo sản phẩm ngon nhất đến người tiêu dùng. Việc làm của công ty A gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế?

- A. Tiêu dùng.                      B. Sản xuất.                      C. Phân phối.                      D. Trao đổi.

**Câu 22:** Doanh nghiệp A được cấp giấy phép khai thác cát, sỏi phục vụ cho các công trình xây dựng tại địa phương X. Ngoài ra doanh nghiệp còn được giao nhiệm vụ nâng cấp hệ thống đê bao chống lũ. Xét về mặt bản chất của nền kinh tế, việc hoạt động của doanh nghiệp A, gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế

- A. sản xuất.                      B. phân phối.                      C. lao động.                      D. tiêu dùng.

### **BÀI 2: CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ**

**Câu 1:** Một trong những vai trò của chủ thể sản xuất là

**A. sản xuất kinh doanh và thu lợi nhuận.**                      B. cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

C. tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa.                      D. đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

**Câu 2:** Chủ thể tiêu dùng là

**A. người mua hàng hóa, dịch vụ.**                      B. người tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ.

C. người đầu tư, kinh doanh hàng hóa.                      D. người sản xuất hàng hóa.

**Câu 3:** Chủ thể trung gian có vai trò gì?

**A. Cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng.**

B. phân phối hàng hóa cho người mua.

C. trữ hàng và bán lại cho các đại lí.

D. giúp lưu thông hàng hóa hiệu quả.

**Câu 4:** Chủ thể Nhà nước có vai trò như thế nào?

**A. Quản lí nền kinh tế.**                      B. Cung cấp thông tin trong quan hệ mua bán.

C. Sản xuất, tiêu dùng hàng hóa.                      D. Phân phối hàng hóa.

**Câu 5:** Một trong những vai trò của chủ thể nhà nước là

**A. tạo môi trường kinh tế vĩ mô ổn định cho phát triển kinh tế.**

B. cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng.

C. tạo động lực cho sản xuất phát triển.

D. sản xuất kinh doanh và thu lợi nhuận.

**Câu 6:** Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể sản xuất?



**A. Sử dụng các yếu tố sản xuất để sản xuất kinh doanh và thu lợi nhuận.**

B. Là cầu nối giữa sản xuất với tiêu dùng.

C. Là cầu nối giữa tiêu dùng và phân phối. D. Tạo môi trường cho sự phát triển.

**Câu 7:** Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

**A. Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.** B. Giúp nền kinh tế linh hoạt hơn.

C. Tạo ra sản phẩm phù hợp nhu cầu của xã hội. D. Tiết kiệm năng lượng.

**Câu 8:** Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể trung gian?

**A. Là cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ trên thị trường.**

B. Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội.

C. Khắc phục những bất ổn trong nền kinh tế như lạm phát, thất nghiệp.

D. Dẫn dắt nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Câu 9:** Nội dung nào dưới đây là vai trò chủ thể kinh tế của Nhà nước?

**A. Quản lý nền kinh tế thông qua thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế.**

B. Thỏa mãn nhu cầu người sản xuất.

C. Quyết định hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

D. Quyết định số lượng sản phẩm sẽ cung ứng cho thị trường.

**Câu 10:** Các chủ thể của nền kinh tế không chỉ thực hiện tốt vai trò trong lĩnh vực kinh tế mình tham gia mà còn đóng góp cho

**A. sự ổn định, phát triển bền vững kinh tế- xã hội của đất nước.**

B. lao động sản xuất.

C. ngân sách nhà nước.

D. hoạt động từ thiện.

**Câu 11:** Chị Y là nội trợ thường xuyên đi siêu thị để mua thực phẩm và các đồ gia dụng trong nhà. Trong trường hợp này, Chị Y đóng vai trò chủ thể nào của nền kinh tế?

**A. tiêu dùng.**

B. sản xuất.

C. nhà nước.

D. trung gian.

**Câu 12:** Anh T là chủ một công ty chuyên sản xuất giày dép, hàng ngày anh đến công ty giám sát và hướng dẫn nhân viên cách làm ra sản phẩm chuẩn. Sản phẩm của công ty anh rất được nhiều người tin tưởng sử dụng. Trong trường hợp trên, anh T tham gia vào nền kinh tế với vai trò là chủ thể gì?

**A. sản xuất.**

B. tiêu dùng.

C. trung gian.

D. nhà nước.

**Câu 13:** Chủ thể của nền kinh tế được hiểu là

**A. những người tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế.**

B. những cá nhân sản xuất tạo ra của cải vật chất.

C. gia đình trực tiếp tạo ra sản phẩm cho xã hội.

D. những người đóng góp của cải cho nền kinh tế.

### BÀI 3: THỊ TRƯỜNG

**Câu hỏi trắc nghiệm tham khảo**

**Câu 1:** Thị trường **không** có yếu tố nào dưới đây?

- A. Nhạc sỹ.                      B. Người mua.                      C. Tiền tệ.                      D. Hàng hóa.

**Câu 2:** Hành vi chủ thể kinh tế nào dưới đây **không** đúng khi tham gia vào thị trường? DH2

- A. Doanh nghiệp bán lẻ X tăng giá các mặt hàng khi chi phí vận chuyển tăng cao.  
B. Giá rau ở chợ M tăng đột biến do rau khan hiếm, nhập về ít.  
C. Công ti H giảm giá mua thanh long do đối tác ngừng hợp đồng thu mua.  
D. Tram xăng dầu B đóng cửa không bán vì giá xăng tăng lên vào ngày mai.

**Câu 3:** Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành, thị trường được chia thành:

- A. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.  
B. Thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng.  
C. Thị trường trong nước, thị trường ngoài nước.

D. Thị trường ô tô, thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán,...

**Câu 4:** Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

- A. làm trung gian trao đổi.                      B. đo lường giá trị hàng hóa.  
C. thừa nhận giá trị hàng hóa.                      D. biểu hiện bằng giá cả.

**Câu 5:** Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

- A. Cầu – cạnh tranh.    B. Cầu – nhà nước                      C. Cầu – sản xuất.                      D. cung – cầu.

**Câu 6:** Sản xuất hàng hóa số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào do nhân tố nào sau đây quyết định?

- A. Người làm dịch vụ.    B. Nhà nước.    C. Thị trường.    D. Người sản xuất.

**Câu 7:** Căn cứ vào tiêu chí/ đặc điểm nào để phân chia các loại thị trường như thị trường vàng, thị trường bảo hiểm, thị trường bất động sản?

- A. Phạm vi hoạt động                      B. Đối tượng hàng hoá  
C. Tính chất và cơ chế vận hành                      D. Vai trò của các đối tượng mua bán

**Câu 8:** Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

- A. biểu hiện giá trị hàng hóa.                      B. làm môi giới trao đổi  
C. thông tin giá cả hàng hóa.                      D. trao đổi hàng hóa.

**Câu 9:** Các nhân tố cơ bản của thị trường là

- A. hàng hoá, giá cả, địa điểm mua bán.                      B. hàng hoá, tiền tệ, giá cả.  
C. hàng hoá, tiền tệ, người mua, người bán.                      D. tiền tệ, người mua, người bán.

**Câu 10:** Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

- A. Thưởng – phạt.                      B. Cho – nhận.                      C. Trên – dưới                      D. Mua – bán.

**Câu 11:** Khi người bán đem hàng hoá ra thị trường, hàng hoá nào thích hợp với nhu cầu của xã hội thì bán được, điều đó thể hiện chức năng nào của thị trường?

- A. Gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể

**B.** Kích thích sự sáng tạo của mỗi chủ thể kinh tế

**C.** Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng

**D.** Gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới

**Câu 12:** Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

**A.** cung – sản xuất. **B.** cung – cạnh tranh. **C.** cung – cầu. **D.** cung – nhà nước.

**Câu 13:** Các loại thị trường nào dưới đây được hình thành dựa trên vai trò của đối tượng giao dịch, mua bán

**A.** Thị trường gạo, cà phê, thép.

**B.** Thị trường tiêu dùng, lao động.

**C.** Thị trường hoàn hảo và không hoàn hảo.

**D.** Thị trường trong nước và quốc tế.

**Câu 14:** Các loại thị trường nào dưới đây được hình thành dựa trên phạm vi không gian của đối tượng giao dịch, mua bán

**A.** Thị trường tiêu dùng, lao động. **B.** Thị trường hoàn hảo và không hoàn hảo.

**C.** Thị trường gạo, cà phê, thép.

**D.** Thị trường trong nước và quốc tế.

**Câu 15:** Các loại thị trường nào dưới đây được hình thành dựa trên đối tượng giao dịch, mua bán

**A.** Thị trường gạo, cà phê, thép.

**B.** Thị trường tiêu dùng, lao động.

**C.** Thị trường hoàn hảo và không hoàn hảo. **D.** Thị trường trong nước và quốc tế.

**Câu 16:** Nông dân ở địa phương D chuyển từ trồng dưa hấu sang trồng dưa khi nhận thấy sức tiêu thụ dưa hấu chậm là biểu hiện nào

**B.** Thừa nhận giá trị và giá trị sử dụng

**C.** Gắn kết nền kinh tế thành một chỉnh thể

**D.** Gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới

**Câu 17:** Vào giữa vụ vải, giá vải ở huyện TH có giá trung bình là 15.000 đồng một kg trong khi đó ở thành phố HN có giá trung bình là 25.000 đồng một kg. Nhiều người dân đã vận chuyển vải từ huyện TH lên thành phố HN để bán được giá cao hơn. Trong trường hợp này, thị trường thực hiện chức năng

**A.** điều tiết sản xuất.

**B.** thông tin.

**C.** thực hiện giá trị.

**D.** điều tiết lưu thông.

**Câu 18:** Bà H có cơ sở sản xuất tăm tre chất lượng cao bán ra thị trường, hiện nay nhu cầu của thị trường tăng, nên chồng bà quyết định mở rộng quy mô sản xuất, nhưng con bà thì sợ không bán được dẫn đến thua lỗ, khuyên bà nên thu nhỏ lại cho dễ quản lí, còn bà thì muốn giữ nguyên như trước. Vậy ý kiến của ai giúp cho bà H có lợi nhuận ?

**A.** Con bà H.

**B.** Không ai đúng.

**C.** Chồng bà H.

**D.** Bà H.

**Câu 19:** Gia đình H có 1 ha trồng rau sạch để cung cấp cho thị trường, hiện nay giá các loại rau sạch đều tăng. Bố H quyết định mở rộng diện tích trồng, mẹ H thì muốn giữ nguyên quy mô sản xuất, chị H thì lại khuyên thu hẹp diện tích gieo trồng. Vận dụng chức năng của thị trường, thì lời khuyên của ai có thể giúp gia đình H có thêm lợi nhuận?

**A.** Bố H.

**B.** Chị và mẹ H.

**C.** Chị H.

**D.** Mẹ H.

**Câu 20:** Mỗi ngày được bố mẹ cho tiền tiêu vặt, nhưng B không tiêu và quyết định dành dụm số tiền ấy để đầu tư vào việc mua bán hàng qua mạng để kiếm lời. Việc làm trên của B đã vận dụng tốt chức năng tiền tệ nào sau đây?

**A.** Phương tiện cất trữ.

**B.** Tiền tệ thế giới.

C. Thước đo giá trị.

D. Phương tiện lưu thông.

#### BÀI 4: CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

**Câu 1:** Trong nền kinh tế hàng hóa, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mặt tích cực của cơ chế thị trường?

A. Hạ giá thành sản phẩm.

B. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp.

C. Đòi hỏi công nghệ sản xuất.

D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 2:** Số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó được gọi là

A. giá trị sử dụng

B. tiêu dùng sản phẩm.

C. phân phối sản phẩm.

D. giá cả hàng hoá.

**Câu 3:** Xét về mặt bản chất của nền kinh tế, việc điều tiết của cơ chế thị trường được ví như

A. thượng đế

B. mệnh lệnh.

C. ý niệm tuyệt đối.

D. bàn tay vô hình.

**Câu 4:** Giá bán thực tế của hàng hoá do tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định được gọi là

A. giá cả cá biệt.

B. giá cả thị trường.

C. giá trị thặng dư.

D. giá trị sử dụng.

**Câu 5:** Số tiền phải trả cho một hàng hoá để bù đắp những chi phí sản xuất và lưu thông hàng hoá đó được gọi là

A. phân phối sản phẩm.

B. tiêu dùng sản phẩm.

C. giá cả hàng hoá.

D. giá trị sử dụng.

**Câu 6:** Hệ thống các quan hệ mang tính điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế được gọi là:

A. Thị trường.

B. Cơ chế thị trường.

C. Giá cả thị trường.

D. Kinh tế thị trường.

**Câu 7:** Một trong những tác động tích cực của cơ chế thị trường là

A. tăng cường đầu cơ tích trữ.

B. hủy hoại môi trường sống.

C. xuất hiện nhiều hàng giả.

D. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 8:** Trong sản xuất và kinh doanh hàng hóa, mặt tích cực của cơ chế thị trường thể hiện ở việc, các chủ thể kinh tế vì nhằm giành nhiều lợi nhuận về mình đã không ngừng

A. đầu tư đổi mới công nghệ.

B. bán hàng giả gây rối thị trường.

C. hủy hoại tài nguyên thiên nhiên.

D. xả trực tiếp chất thải ra môi trường.

**Câu 9:** Câu tục ngữ "Cá lớn nuốt cá bé" chỉ quy luật kinh tế nào?

A. Quy luật cạnh tranh

B. Quy luật lưu thông tiền tệ

C. Quy luật cung - cầu

D. Quy luật giá trị

#### BÀI 5: NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

**Câu 1:** Ngân sách nhà nước gồm các khoản chi nào dưới đây?

A. Chi đầu tư phát triển.

B. Chi quỹ bảo trợ trẻ em.

C. Chi quỹ bảo trợ quốc tế.

D. Cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu.

**Câu 2:** Ai được quyền quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước?

- A. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.                      B. Các cơ quan thuộc doanh nghiệp nhà nước.  
C. Những người đứng đầu cơ quan Bộ nhà nước.      D. Các cơ quan lãnh đạo ở địa phương.

**Câu 3:** Người dân đóng góp vào ngân sách nhà nước có được hoàn trả trực tiếp không?

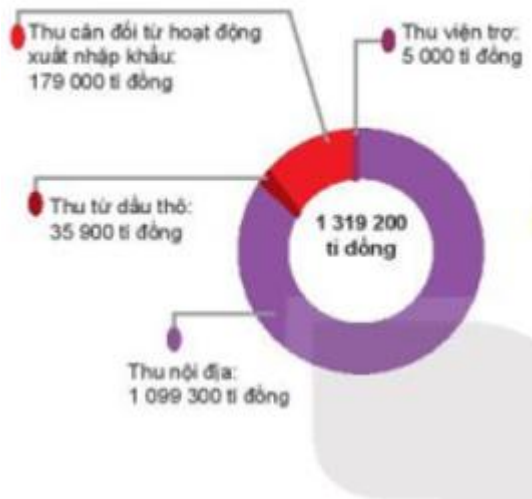
- A. Không được trực tiếp hoàn trả.                      B. Được hoàn trả trực tiếp.  
C. Người dân bắt buộc đóng góp.                      D. Người dân tự nguyện đóng góp theo khả năng.

**Câu 4:** Ngân sách nhà nước gồm các khoản thu nào dưới đây?

- A. Thu từ dầu thô, thu nội địa.      B. Thu từ các dịch vụ tư nhân.  
C. Thu các dịch vụ y tế bắt buộc.                      D. Thu các công trình phát triển nông thôn.

**Câu 5:** Em hãy quan sát sơ đồ sau để trả lời câu hỏi:

Tổng thu ngân sách nhà nước



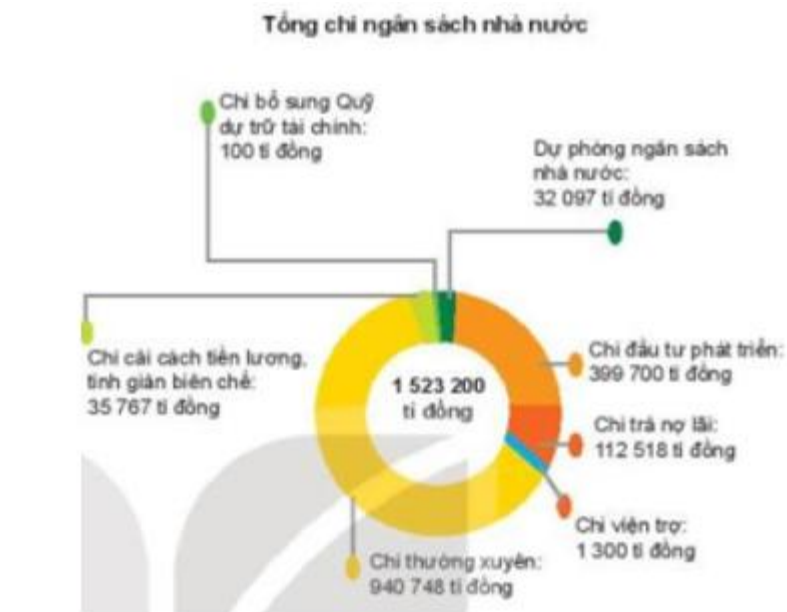
A.

Ngân sách nhà nước không có các khoản thu nào ?

- A. Quỹ dự trữ tài chính.      B. Thu viện trợ.      C. Thu từ dầu thô.      D. Thu nội địa.

**Câu 6:** Mục đích của việc thu, chi ngân sách nhà nước là gì?

- A. Để ổn định chính trị-xã hội, phát triển kinh tế.      B. Để tạo nên sự giàu có cho đất nước.  
C. Để có tiền thực hiện hoạt động ngoại giao.      D. Để xây dựng các cơ quan Nhà nước.



**Câu 7:** Em hãy quan sát sơ đồ sau để trả lời câu hỏi:

Ngân sách nhà nước không có khoản chi nào?

- A. Thu viện trợ      B. Đầu tư phát triển.      C. Trả nợ lãi.      D. Tinh giảm biên chế.

**Câu 8:** Ngân sách nhà nước không gồm các khoản thu nào?

- A. Thu từ đầu tư phát triển.      B. Thu từ dầu thô.      C. Thu viện trợ.      D. Thu nội địa.

**Câu 9:** Theo em, loại quỹ nào dưới đây không thuộc quỹ ngân sách nhà nước?

- A. Quỹ tương tế dành cho người mất.      B. Quỹ hỗ trợ hộ gia đình.  
C. Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.      D. Hỗ trợ một phần tài chính các gia đình gặp khó khăn.

**Câu 10:** Người dân đóng góp vào ngân sách được nhà nước hoàn trả như thế nào ?

- A.** Thông qua các công trình công cộng.                      **B.** Thông qua các đợt cứu trợ khi bị thiên tai.  
**C.** Thông qua các gói hỗ trợ phát triển kinh tế.              **D.** Thông qua việc cho vay vốn làm ăn.

### **CÂU HỎI TỰ LUẬN**

**Câu 1: (Nhận biết) + Đáp án**

Nêu khái niệm ngân sách nhà nước?

**ĐA:** Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

**Câu 2: (Thông hiểu) + Đáp án**

Người dân đóng góp vào ngân sách nhà nước có được hoàn trả trực tiếp không? Vì sao?

**ĐA:** Hoạt động thu, chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp.

Vì ngân sách nhà nước dành cho sự phát triển kinh tế, giáo dục đào tạo, đảm bảo xã hội, quản trị hành chính, y tế, bảo vệ môi trường, khoa học công nghệ, dự trữ tài chính.

**Câu 3: (Vận dụng) + Đáp án**

Viết về một công trình sử dụng ngân sách nhà nước ở địa phương em và ý nghĩa của công trình đó?

**ĐA:**

Ngày trước, đường ở khu nhà em có rất nhiều ổ gà do xuống cấp. Sau đó, con đường đã được sửa lại khiến cho việc di chuyển của người dân trở nên dễ dàng hơn, giảm thiểu được những tai nạn hay va chạm không đáng có.

### **BÀI 6: THUẾ**

**Câu 1:** Thuế là gì?

- A.** Là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc.    **B.** Là nguồn thu duy nhất của nhà nước.  
**C.** Là nguồn tài chính duy nhất của đất nước. **D.** Thuế dùng để cho doanh nghiệp nhà nước kinh doanh.

**Câu 2:** Nêu tên loại thuế có ở Việt Nam dành cho cá nhân?

- A. Thuế thu nhập cá nhân.      B. Thuế thu nhập doanh nghiệp.  
C. Thuế xuất nhập khẩu.      D. Thuế tài nguyên.

**Câu 3:** Đối với doanh nghiệp, phải nộp loại thuế thu nhập cá nhân? Vậy Thuế thu nhập cá nhân là gì?

- A. Được thu từ những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp.  
B. Do doanh nghiệp vẫn phải nhập khẩu linh kiện để lắp ráp.  
C. Thường được tính cho người tiêu dùng.  
D. Được tính trên giá trị tăng thêm của ô tô phát sinh trong quá trình từ sản xuất.

**Câu 4:** Thuế có vai trò như thế nào?

- A. Công cụ quan trọng để điều tiết thị trường. B. Công dân phải có nghĩa vụ khai và nộp thuế đầy đủ.  
C. Chỉ có người đóng thuế mới hưởng lợi ích từ thuế. D. Thuế thúc đẩy phát triển kinh tế đối ngoại.

**Câu 5:** Đối với doanh nghiệp, phải nộp loại thuế giá trị gia tăng? Vậy Thuế giá trị gia tăng là gì?

- A. Được tính trên giá trị tăng thêm của ô tô phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.  
B. Được thu nhằm điều tiết việc sản xuất và tiêu dùng xã hội cũng như nhập khẩu hàng hóa.  
C. Xe ô tô gây ô nhiễm môi trường nên doanh nghiệp X có nghĩa vụ nộp thuế.  
D. Được thu từ những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp.

**Câu 6:** Những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp, sẽ nộp loại thuế nào?

- A. Thuế thu nhập cá nhân.      B. Thuế thu nhập doanh nghiệp.  
C. Thuế giá trị gia tăng.      D. Thuế nhập khẩu.

**Câu 7:** Đối với doanh nghiệp, phải nộp loại thuế bảo vệ môi trường? Vậy Thuế bảo vệ môi trường là gì?

- A. Xe ô tô gây ô nhiễm môi trường nên doanh nghiệp X có nghĩa vụ nộp thuế.  
B. Được thu từ những người có thu nhập cao trong doanh nghiệp.



C. Do doanh nghiệp vẫn phải nhập khẩu linh kiện để lắp ráp ô tô.

D. Được thu nhằm điều tiết việc sản xuất và tiêu dùng xã hội cũng như nhập khẩu hàng hóa.

**Câu 8:** Loại thuế được tính trên giá trị tăng thêm của ô tô phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng, thường được tính cho người tiêu dùng. Đó là loại thuế nào dưới đây?

**A.** Thuế giá trị gia tăng. **B.** Thuế nhập khẩu. **C.** Thuế tiêu thụ đặc biệt. **D.** Thuế bảo vệ môi trường.

**Câu 9:** Theo em, ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp không phải nộp loại thuế nào dưới đây?

**A.** Thuế tài nguyên. **B.** Thuế nhập khẩu. **C.** Thuế tiêu thụ đặc biệt. **D.** Thuế bảo vệ môi trường.

**Câu 10:** Chưa lập gia đình nhưng ngoài lương, chị P còn có một căn hộ cho thuê, mỗi năm thu được 100 triệu đồng nên không phải nộp thuế. Năm ngoái, chị sử dụng tiền tiết kiệm mua thêm một căn hộ để cho thuê nên tiền cho thuê tăng gấp đôi. Anh Q- bạn chị, là cán bộ thuế - nhắc nhở chị phải ra cơ quan thế để khai và nộp thuế. Vì sao chị P phải nộp thuế?

**A.** Vì để cân bằng mức độ giàu nghèo, tránh sự phân biệt đối xử.

**B.** Vì để lấy tiền của người giàu lo cho người nghèo.

**C.** Vì đây là việc làm bắt buộc đối với người dân. **D.** Vì để tạo nên sự công bằng trong xã hội.

**Câu 11:** Đâu không phải là quyền lợi của người nộp thuế?

**A.** Nộp tiền thuế.

**B.** Hưởng các ưu đãi về thuế.

**C.** Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế. **D.** Được biết thời hạn giải quyết hoàn thuế.

**Câu 12:** Ở Việt Nam có nhiều loại thuế, loại nào không phải thuế trong giai đoạn hiện nay?

**A.** Thuế thân. **B.** Thuế môn bài. **C.** Thuế tài nguyên. **D.** Thuế bảo vệ môi trường.

**Câu 13:** Đâu không phải là nghĩa vụ của người nộp thuế?

**A.** Hưởng các ưu đãi về thuế.

**B.** Nộp tiền thuế đúng quy định.

**C.** Chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin của hồ sơ thuế.

**D.** Khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn .

**Câu 14:** Theo em, vì sao nhà nước phải thu thuế?

- A.** Để chi tiêu cho sự tồn tại và hoạt động của nhà nước.
- B. Để xây dựng chế độ chính trị vững mạnh.
- C. Để có ngân sách chi cho hoạt động ngoại giao.
- D. Để trả tiền lương cho cán bộ, công chức nhà nước.

**Câu 15:** Vì sao đóng thuế là nghĩa vụ của công dân?

- A.** Tạo ngân sách giúp nhà nước tồn tại và duy trì hoạt động.
- B. Vì công dân đang sinh sống trên đất nước nên phải đóng thuế.
- C. Vì được nhà nước sử dụng quân đội bảo vệ người dân.
- D. Vì nhà nước quản lý đất đai người dân muốn sử dụng thì phải nộp thuế.

**Câu 16:** Theo em, thuế thu nhập cá nhân có vai trò như thế nào?

- A.** Góp phần điều tiết thu nhập trong xã hội.
- B. Góp phần bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.
- C. Góp phần điều tiết sản xuất và tiêu dùng.
- D. Tăng khoản thu cho ngân sách nhà nước.

**Câu 17:** Nộp thuế công dân sẽ được hưởng quyền lợi như thế nào?

- A.** Hưởng lợi ích từ thuế qua các dịch vụ công cộng do nhà nước cung cấp
- B. Nhà nước sử dụng quân đội để bảo vệ người dân trước ngoại xâm.
- C. Nhà nước sẽ chăm lo sức khỏe cho người dân.
- D. Công dân sẽ được học đại học miễn phí.

## **BÀI 7: SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH**

**Câu 1:** Sản xuất kinh doanh có vai trò

- A.** làm ra sản phẩm hàng hóa/ dịch vụ.
- B. làm ra sản phẩm tinh thần cho con người.

C. làm giảm tỉ lệ sáng tạo của con người. D. làm mất cân bằng xã hội.

**Câu 2:** thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích thu được lợi nhuận gọi là gì ?

A. Kinh doanh. B. Đầu tư. C. Tiêu dùng. D. Sản xuất

**Câu 3:** Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường với mục đích chính là gì ?

A. Thu được lợi nhuận. B. Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.  
C. Hướng đến lợi ích của nhà nước. D. Hướng đến lợi ích của cộng đồng.

**Câu 4:** Doanh nghiệp nhà nước gồm có mấy loại chính ?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

**Câu 5:** Mô hình của hộ sản xuất kinh doanh

A. có quy mô nhỏ lẻ. B. có quy mô đầu tư vốn lớn.  
C. có quy mô sản xuất phong phú. D. có quy mô hiện đại.

**Câu 6:** Có mấy loại mô hình doanh nghiệp?

A. 6. B. 7. C. 8. D. 9.

**Câu 7:** Theo quy định của pháp luật hộ kinh doanh chỉ được sử dụng số người lao động tối đa là bao nhiêu?

A. 10. B. 9. C. 8. D. 7.

**Câu 8:** Em đồng tình với ý kiến nào dưới đây khi nói về sản xuất kinh doanh ?

A. Sản xuất kinh doanh góp phần đem lại cuộc sống ấm no cho mọi người.  
B. Sản xuất kinh doanh góp phần làm ô nhiễm môi trường.  
C. Sản xuất kinh doanh góp phần làm tăng nguy cơ thất nghiệp.  
D. Sản xuất kinh doanh góp phần đem lại đời sống tinh thần cho mọi người.

**Câu 9:** Sản xuất kinh doanh là hoạt động sản xuất ra sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ để đáp ứng nhu cầu của thị trường với mục đích chính là gì?

A. Thu được lợi nhuận. B. Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.  
C. Hướng đến lợi ích của Nhà nước. D. Hướng đến lợi ích của cộng đồng.

**Câu 10:** Điều kiện nào không cần thiết khi thành lập hộ sản xuất kinh doanh ?

A. Có vốn trên 3 tỷ. B. Đủ 18 tuổi.  
C. Có năng lực hành vi dân sự. D. Do cá nhân hoặc một nhóm người là công dân Việt Nam.

**Câu 11:** Mô hình hợp tác xã sản xuất kinh doanh hoạt động dựa trên nguyên tắc gì?

A. Bình đẳng và dân chủ trong quản lí.  
B. Tự nguyện, tự chủ, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.  
C. Tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

D. Tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí.

**Câu 12:** Tổ chức do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp được gọi là gì ?

A. Doanh nghiệp tư nhân                      B. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

C. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên.                      D. Công ty cổ phần.

**Câu 13:** Nội dung nào sau đây **không** thuộc nội dung của sản xuất kinh doanh ?

A. Kiểm hãm sự phát triển của các ngành kinh tế vùng sâu , vùng xa.

B. Cung cấp các sản phẩm đầu vào cho quá trình sản xuất.

C. Giải quyết việc làm cho người lao động.

D. Cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ cho người tiêu dùng.

**Câu 14:** Ưu điểm của mô hình hợp tác xã so với mô hình hộ sản xuất kinh doanh là

A. có sự tương trợ , giúp đỡ lẫn nhau.                      B. tự tổ chức sản xuất kinh doanh.

C. có quyền tự làm chủ trong kinh doanh.                      D. có quy mô nhỏ lẻ.

**Câu 15:** Chủ thể của mô hình hộ sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân khác nhau như thế nào?

A. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh do cá nhân ,nhóm người trong hộ gia đình còn doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân.

B. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh do cá nhân , còn doanh nghiệp tư nhân nhóm người trong kinh doanh.

C. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh do cá nhân, còn doanh nghiệp tư nhân ít nhất là 2 thành viên.

D. Mô hình hộ sản xuất kinh doanh do cá nhân, còn doanh nghiệp tư nhân nhiều người đóng góp.

## **PHẦN 2: CÂU HỎI TỰ LUẬN**

**Câu 1: (Nhận biết) Nêu vai trò của sản xuất kinh doanh.**

\* **Đáp án:** Sản xuất kinh doanh có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội: là hoạt động kinh tế cơ bản của con người, làm ra sản phẩm hàng hóa/ dịch vụ, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu xã hội; tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, gia đình ,xã hội và chủ thể kinh doanh, đem lại cuộc sống ấm no cho mọi người trong xã hội, đóng góp cho sự phát triển kinh – tế xã hội của địa phương và đất nước.

**Câu 2: ( Thông hiểu )Chỉ ra điểm khác nhau của Mô hình doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên ?**

\* **Đáp án:**

- Quyền và trách nhiệm tài sản: Chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty (trách nhiệm hữu hạn) còn chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp (trách nhiệm vô hạn).

- Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu góp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, chủ sở hữu công ty phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty còn vốn của doanh nghiệp tư nhân do chủ doanh nghiệp tự bỏ ra kinh doanh không cần phải chuyển quyền sở hữu vào tài sản của công ty.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân còn doanh nghiệp tư nhân không có tư cách pháp nhân.

**Câu 3: (Vận dụng)** H không chỉ học giỏi mà còn rất khéo tay, làm được nhiều loại bánh ngon. Nhà ở ngay gần chợ phố huyện, nhận thấy khả năng có thể kinh doanh để phát triển kinh tế gia đình, H có ý định sau khi tốt nghiệp phổ thông sẽ học thêm kĩ thuật làm bánh để mở cửa hàng chuyên kinh doanh bánh tại nhà. Tuy nhiên, nhiều bạn trong lớp khuyên H nên học đại học để có cơ hội kiếm được công việc tốt hơn.

Em có lời khuyên gì cho bạn H?

\* **Đáp án:** HS có nhiều ý kiến khác nhau, Có thể là bạn theo học đại học ngành có liên quan để phát huy sở trường làm bánh, hoặc theo đuổi giấc mơ kinh doanh mở tiệm làm bánh không nhất thiết phải đi học đại học,...

### **BÀI 8: TÍN DỤNG VÀ VAI TRÒ CỦA TÍN DỤNG TRONG ĐỜI SỐNG.**

#### **PHẦN 1: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:**

##### **NHÂN BIẾT**

**Câu 1:** Khái niệm thể hiện quan hệ kinh tế giữa chủ thể sở hữu và chủ thể sử dụng nguồn vốn nhân rồi (người vay) theo nguyên tắc hoàn trả có kì hạn cả vốn gốc lẫn lãi được gọi là gì ?

**A.** Tín dụng.            **B.** Hỗ trợ.            **C.** Trả góp.            **D.** Vay vốn.

**Câu 2:** Tín dụng là hoạt động thể hiện quan hệ kinh tế giữa

**A.** người cho vay và người vay.            **B.** người vay và người vay.  
**C.** người cho vay và người cho vay.            **D.** người lao động và người sử dụng lao động.

**Câu 3:** Đặc điểm của tín dụng

**A.** có tính tạm thời.            **B.** có tính bắt buộc.            **C.** có tính vĩnh viễn.            **D.** có tính phổ biến.

**Câu 4:** Tín dụng có vai trò như thế nào trong đời sống xã hội ?

**A.** Là công cụ điều tiết kinh tế- xã hội của Nhà nước.            **B.** Là công cụ giảm lạm phát.  
**C.** Là công cụ giảm tỉ lệ mắc bệnh.            **D.** Là công cụ giảm tỉ lệ ô nhiễm môi trường.

**Câu 5:** Đặc điểm của tín dụng thể hiện

**A.** dựa trên sự tin tưởng.            **B.** tính bắt buộc.            **C.** tính vĩnh viễn.            **D.** tính phổ biến.

**Câu 6:** Đến thời hạn tín dụng, người vay có nghĩa vụ và trách nhiệm gì?

**A.** Hoàn trả cả vốn gốc và lãi vô điều kiện.            **B.** Hoàn trả vốn gốc vô điều kiện.  
**C.** Hoàn trả lãi vô điều kiện.            **D.** Hoàn trả vốn gốc hoặc lãi .

**Câu 7:** Nội dung nào sau đây **không** phải đặc điểm của tín dụng ?

**A.** Có tính vô hạn.            **B.** Có tính thời hạn.  
**C.** Dựa trên cơ sở lòng tin.            **D.** Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi.

**Câu 8:** Nội dung nào sau đây **không** đúng khi nói về tín dụng ?

**A.** Đảm bảo vấn đề an sinh xã hội.  
**B.** Là công cụ tài trợ cho các ngành kinh tế kém phát triển và ngành mũi nhọn.  
**C.** Thúc đẩy quá trình tập trung vốn và tập trung sản xuất.  
**D.** Đảm bảo nhu cầu về vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng cho các cá nhân trong nền kinh tế.

**Câu 9:** Ý nào dưới đây thể hiện bản chất của quan hệ tín dụng ?

- A.** Quan hệ kinh tế giữa người cho vay và người vay trong một thời gian nhất định có hoàn trả cả vốn và lãi.
- B. Là quan hệ vay mượn có lãi hoặc không có lãi.
- C. Nhường quyền sở hữu một lượng tiền cho người khác.
- D. Cho người khác sử dụng một lượng tiền nhân rồi để được hưởng tiền lãi.

**Câu 10:** Ý nào dưới đây **không** phải là đặc điểm của tín dụng thương mại?

- A.** Thanh toán khoản vay cũng bằng hàng hoá.
- B. Chủ thể cho vay là doanh nghiệp.
- C. Chủ thể đi vay là doanh nghiệp.
- D. Đối tượng cho vay là hàng hoá.

## **PHẦN 2: CÂU HỎI TỰ LUẬN**

Câu 1: (Nhận biết) Em hãy cho biết tín dụng có đặc điểm gì?

\* Đáp án :- Đặc điểm của tín dụng :

- + Dựa trên sự tin tưởng.
- + Có tính tạm thời.
- + Có tính hoàn trả cả gốc lẫn lãi .

Câu 2: Em hãy nêu vài hoạt động mà em biết thấy được vai trò của tín dụng đối với đời sống người dân .

\*Đáp án:

- Ba mẹ vay tiền để nuôi bò.
- Hỗ trợ hs,sv vay với lãi suất thấp.
- Trao học bổng cho hs,sv gặp khó khăn.

Câu 3: Giả sử em thi đỗ đại học nhưng mẹ bán khoản không biết có nên cho em đi học không vì hoàn cảnh gia đình khó khăn , không đủ tiền đóng học phí. Bác H hàng xóm biết chuyện, khuyên gia đình em nên vay tiền ở ngân hàng chính sách xã hội, nhưng mẹ em sợ không trả được. Nếu trong hoàn cảnh đó, em sẽ làm gì?

\* Đáp án: gợi ý:

- Em sẽ khuyên mẹ đến ngân hàng chính sách xã hội để vay tiền, để em được tiếp tục con đường học vấn. Sau này khi ra trường em đi làm giúp mẹ trả lại số tiền vay.

## **BÀI 9: DỊCH VỤ TÍN DỤNG**

**Câu 1:** Cho vay tín chấp dựa vào đặc điểm nào của người vay?

- A** Uy tín của người vay và không cần tài sản đảm bảo.
- B** Uy tín của người vay và có tài sản đảm bảo.
- C** Có tài sản đảm bảo.
- D** Là công chức, viên chức nhà nước.

**Câu 2:** Hình thức vay tín dụng ngân hàng nào sau đây người vay phải trả lãi hàng tháng và một phần nợ gốc?

- A. Vay trả góp. B. Vay thế chấp. C. Vay tín chấp. D. Vay thấu chi.

**Câu 3:** Tín dụng thương mại là quan hệ tín dụng giữa các chủ thể nào sau đây?

- A. Doanh nghiệp với doanh nghiệp. B. Doanh nghiệp với Nhà nước.  
C. Doanh nghiệp với ngân hàng. D. Ngân hàng với Nhà nước.

**Câu 4:** Tín dụng ngân hàng (Credit card) thuộc loại thẻ nào sau đây?

- A. Chi tiêu trước, trả tiền sau. B. Trả tiền trước, chi tiêu sau.

- C. Chi tiêu tự định. D. Chi tiêu và trả tiền trực tiếp trong ngày.

**Câu 5:** Ngân hàng chính sách xã hội có mấy phương thức cho vay?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 6:** Hình thức tín dụng cho vay từ ngân hàng chính sách xã hội thuộc dịch vụ tín dụng nào sau đây?

- A. Tín dụng nhà nước. B. Tín dụng ngân hàng.  
C. Tín dụng thương mại. D. Tín dụng tiêu dùng.

**Câu 7:** Hình thức cho vay nào đòi hỏi người vay phải có tài sản đảm bảo có giá trị tương đương với số vốn vay?

- A. Vay thế chấp. B. Vay tín chấp. C. Vay trả góp. D. Vay thấu chi.

**Câu 8:** Hình thức phát hành trái phiếu chính phủ thuộc dịch vụ tín dụng nào sau đây?

- A. Tín dụng nhà nước. B. Tín dụng ngân hàng.  
C. Tín dụng thương mại. D. Tín dụng tiêu dùng.

**Câu 8:** Người vay có lịch sử tín dụng tốt, thu nhập ổn định nhưng không có tài sản đảm bảo thì có thể vay tín dụng ngân hàng bằng hình thức nào sau đây?

- A. Vay tín chấp. B. Vay thế chấp. C. Vay trả góp. D. Vay thấu chi.

**Câu 9:** Người vay muốn vay số tiền tương đối lớn và thời gian vay dài cần điều kiện nào sau đây?

- A. Có tài sản thế chấp có giá trị tương đương với số tiền cần vay.  
B. Có uy tín, thu nhập ổn định và không cần tài sản thế chấp.  
C. Có tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền vay.  
D. Có uy tín, có tài sản thế chấp bằng 2/3 số tiền vay.

**Câu 10:** Hình thức cho vay nào mà người vay có thể trả nợ gốc và lãi trong nhiều đợt?

- A. Vay trả góp. B. Vay thế chấp. C. Vay tín chấp. D. Vay thấu chi.

**Câu 11:** Mua điện thoại trả góp thông qua công ty tài chính liên kết với cửa hàng thuộc dịch vụ tín dụng nào sau đây?

- A. Tín dụng tiêu dùng. B. Tín dụng thương mại.  
C. Tín dụng ngân hàng. D. Tín dụng Nhà nước

**Câu 12:** Người vay tham gia mua hàng hóa trả góp của doanh nghiệp liên kết với công ty tài chính thuộc dịch vụ tín dụng nào sau đây?

- A. Tín dụng tiêu dùng                      B. Tín dụng thương mại.  
C. Tín dụng ngân hàng.                      D. Tín dụng nhà nước.

**Câu 12:** Muốn tham gia dịch vụ tín dụng ngân hàng, người vay cần phải đảm bảo điều kiện nào sau đây?

- A. Có lịch sử tín dụng tốt.                      B. Có kế hoạch sử dụng tiền cụ thể.  
C. Có tài sản thế chấp.                      D. Có người thân giàu có.

**Câu 13:** Nội dung nào sau đây không phải đặc điểm của tín dụng thương mại?

- A. Là mối quan hệ tín dụng thông qua ngân hàng.  
B. Là mối quan hệ tín dụng giữa các doanh nghiệp.  
C. Là hình thức mua bán chịu của doanh nghiệp.  
D. Doanh nghiệp mua phải hoàn trả vốn gốc và lãi trong thời hạn đã thỏa thuận.

**Câu 14:** Người mua tham gia mua trái phiếu chính phủ để được hưởng lãi suất vay thuộc dịch vụ tín dụng nào?

- A. Tín dụng nhà nước.                      B. Tín dụng ngân hàng.  
C. Tín dụng thương mại.                      D. Tín dụng tiêu dùng.

**Câu 15:** Đặc điểm nào sau đây của ngân hàng chính sách xã hội khác với các ngân hàng thương mại khác?

- A. Không vì mục đích lợi nhuận.                      B. Là hình thức dịch vụ tín dụng.  
C. Được thỏa thuận thời hạn trả nợ.                      D. Thủ tục đơn giản, lãi suất cao.

**Câu 16:** Hình thức tín dụng nào Nhà nước là chủ thể vay tiền và có nghĩa vụ trả nợ?

- A. Tín dụng nhà nước.                      B. Tín dụng ngân hàng.  
C. Tín dụng thương mại.                      D. Tín dụng tiêu dùng.

**Câu 17:** Nội dung nào sau đây là lợi ích của việc sử dụng credit card?

- A. Hạn chế rủi ro việc giữ tiền mặt.                      B. Chi tiêu thoải mái không giới hạn định mức.  
C. Có thể sử dụng ở bất kỳ nơi nào.                      D. Thẻ hiện đẳng cấp của người dùng.

**Câu 18:** Dịch vụ tín dụng được thực hiện bằng hình thức mua bán chịu giữa các doanh nghiệp thuộc loại tín dụng nào sau đây?

- A. Tín dụng thương mại.                      B. Tín dụng ngân hàng.  
C. Tín dụng nhà nước                      D. Tín dụng tiêu dùng.

**Câu 19:** Khi vay ngân hàng người vay cần phải có tài sản đảm bảo khi vay là tín dụng ngân hàng thuộc hình thức nào?

- A. Vay thế chấp.                      B. Vay trả góp.                      C. Vay tín chấp.                      D. Vay thấu chi.

**Câu 20:** Khi cá nhân dùng tiền vay trả góp để gửi ngân hàng thì

- A. lãi suất thu được < lãi suất phải trả.                      B. lãi suất thu được > lãi suất phải trả.  
C. lãi suất thu được = lãi suất phải trả.                      D. Không được dùng tiền vay trả góp gửi ngân hàng.